TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 51, 20/12/2024

Giảm số lần cắt lãi suất trong 2025, FED khiến thị trường chao đảo

Tiêu điểm:

- Ngày 18-12, sau cuộc họp kéo dài hai ngày, Fed quyết định cắt giảm lãi suất 0.25%, đưa lãi suất xuống phạm vi 4.25 – 4.50%. Ngoài ra, dự kiến chỉ tiến hành 2 đợt cắt giảm lãi suất trong năm tới, để đưa lãi suất chuẩn về phạm vi 3,75 - 4,0% vào cuối năm 2025
- Chốt phiên ngày 18-12, chỉ số Dow Jones ghi nhận ngày sụt giảm nhất trong hơn 4 tháng khi "bốc hơi" 1,123.03 điểm (tương đương 2.6%), xuống còn 42,326.87 điểm.
- 20.12.2024: Đồng USD tiếp tục duy trì đà tăng trên mốc 108. công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với USD tăng 26 đồng, hiện ở mức 24,304 đồng.

Đánh giá: Thị trường giảm mạnh vào phiên ngày 19/12 sau khi tin tức của FED thông báo về việc chỉ cắt giảm lãi suất 2 lần trong 2025 (mỗi lần dự kiến giảm 0.25%), giảm từ 3 lần trước đó. Điều này đã gây bất ngờ với giới đầu tư khiến chỉ số Dow giảm hơn 1 nghìn điểm, gây áp lực lên đà giảm của VNINDEX. Chúng tôi cho rằng FED đang nỗ lực cân bằng giữa đưa lạm phát về mục tiêu 2% và toàn dụng lao động, tăng trưởng kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh phải đón nhận các biến số khó lường từ các chính sách của tổng thống Trump.

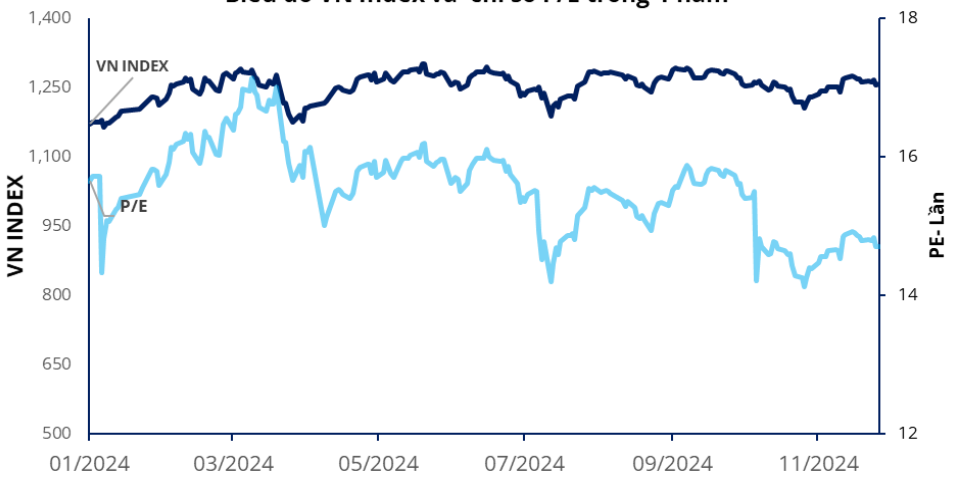
Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,257.5 (-5.07 điểm;-0.4%) với thanh khoản tiếp tục giảm trên đồ thị tuần. Nhóm ngành tăng điểm tốt là truyền thông, du lịch & giải trí. Thị trường đang thiếu dòng dẫn sóng mạnh, và dòng tiền chủ yếu tiền đổ vào những nhóm vốn hóa nhỏ. Khối ngoại tiếp tục bán ròng khoảng 1.4 nghìn tỷ trong tuần này. Chỉ số đã gần như phủ nhận hết phiên tăng mạnh ngày 05/12. Xu hướng chính của chỉ số vẫn là dao động trong vùng 1,200 – 1,300.

Ý tưởng đầu tư: Chiến lược giao dịch ngắn sẽ phù hợp hơn trong giai đoạn này. Nhiều cổ phiếu đã chạm ngưỡng chốt lời mục tiêu, nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn có thể bán ra một phần, và chốt lời phần còn lại tương ứng lúc VNINDEX chạm vùng 1,300. Nhà đầu tư có thể mua gia tăng nhưng không nên quá 50% lượng cổ phiếu đang nắm giữ.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,258	-0.4	3.4	-1.1	11.3		14.7	1.7	203
Upcom Index	93	0.9	2.5	-0.3	7.3		12.6	1.3	62
HNX Index	227	0.0	2.6	-3.1	-1.7		16.5	1.2	12
VN30 Index	1,318	-1.0	3.6	-0.6	16.5		11.5	1.6	141
S&P 500 Index	5,867	-3.0	-0.8	2.9	23.0		26.4	5.1	51,635
STOXX Europe 600 Index	501	-3.0	0.1	-2.5	4.6		14.7	2.0	13,750
Hang Seng	19,721	-1.3	0.1	8.0	15.7		9.8	1.1	2,959
Nikkei 225	38,702	-1.9	0.9	2.6	15.7		19.0	2.1	4,455
SHCOMP Index	3,368	-0.7	0.0	23.1	13.2			1.4	7,150
STI Index	3,727	-2.2	-0.5	2.8	15.0		14.0	1.3	416
KOSPI Index	2,404	-3.6	-3.1	-7.3	-9.5		11.6	0.8	1,336

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 5808 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất

Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	3M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	1M	3M	YTD	% Tỷ trọng GTGD Current	Change	Định giá P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-0.6	3.1	-1.1	14.0	-16.4	-16.9	-29.9	-40.9	75.6	-1.9	12.9	1.7	4,575,778
Mid Cap	1.2	4.4	1.0	17.4	-7.2	8.0	8.9	-25.5	23.0	1.8	17.0	1.2	527,313
Small Cap	0.3	3.8	0.5	-6.6	-4.7	16.3	14.0	-36.9	1.5	0.1	124.5	0.6	64,772

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	1M	3M	YTD	% Tỷ trọng GTGD Current	Change	Định giá P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Truyền thông	23.5	54.9	83.1	41.6	36.8	75.9	215.2	402.1	0.8	0.3	31.2	1.5	3,029
Du lịch và Giải trí	3.5	5.9	11.4	34.3	17.4	4.4	10.4	-0.5	1.7	0.4	21.5	10.9	129,595
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	1.8	6.2	5.6	36.5	11.0	5.4	7.9	-28.9	6.7	1.5	17.5	1.5	172,507
Ô tô & Phụ tùng	1.5	3.9	-9.0	-1.5	4.7	15.0	26.5	-11.6	0.7	0.1	14.3	1.0	14,394
Dược và Y tế	1.1	9.9	3.0	18.0	-6.1	20.4	56.3	84.2	0.8	0.1	18.6	2.3	40,662
Dầu khí	0.9	1.4	-14.5	5.5	18.7	15.1	-26.2	-49.0	1.0	0.3	20.9	2.2	62,839
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6	5.5	2.5	20.0	-13.6	-11.3	6.0	-14.2	2.2	0.0	14.4	1.9	64,015
Công nghệ Thông tin	0.5	12.6	11.3	74.3	-7.7	-17.6	16.2	18.5	7.3	0.5	29.9	5.0	239,260
Xây dựng và vật liệu	0.2	4.6	-0.6	-0.6	-15.3	-18.6	-17.7	-43.4	4.4	-0.1	18.3	1.2	123,685
Tiện ích	0.2	1.7	-4.6	-1.9	-15.5	-25.2	-20.0	-53.9	1.2	0.0	18.4	1.8	291,506
Thực phẩm và đồ uống	0.1	2.6	-4.4	1.4	-4.8	1.1	-18.9	-38.6	8.4	0.8	19.8	2.2	427,112
Tài chính	-0.2	3.7	0.4	10.6	-21.8	-10.5	-22.1	-44.0	12.1	-1.2	18.4	1.4	200,374
Bán lẻ	-0.3	6.9	-8.3	39.3	-11.3	-18.9	-32.4	-43.5	4.1	0.1	33.9	3.5	129,587
Tài nguyên cơ bản	-0.6	4.5	3.0	2.5	-17.7	-2.7	-17.5	-38.0	6.9	-0.3	16.3	1.4	215,410
Bất động sản	-0.6	-2.3	-5.3	-5.7	-12.2	-19.3	-28.3	-43.8	17.0	0.4	6.9	1.0	700,592
Hóa chất	-0.9	2.2	-8.3	30.7	-40.1	-25.9	-17.3	-38.5	5.1	-2.2	21.0	1.9	232,189
Ngân hàng	-1.0	3.3	0.4	19.7	-18.5	-13.6	-44.1	-45.2	19.1	-1.0	9.3	1.5	2,058,554
Bảo hiểm	-2.7	15.0	16.3	25.2	-5.3	2.9	75.6	33.9	0.5	0.1	15.8	1.5	51,018

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,517**	-12.3	-37.7	-154.0	-912.8
Nước ngoài	**1,637**	-14.7	-38.7	-143.1	-633.8
VanEck Vectors Vietnam ETF	422	-12.4	-18.2	-41.3	13.0
Fubon FTSE Vietnam ETF	591	-1.4	-3.6	-20.5	-150.3
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	190	0.0	-6.9	-23.5	-430.8
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	256	-0.9	-7.1	-18.3	-3.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	162	0.0	-2.8	-36.8	-53.5
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	-2.7	-3.1
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**880**	2.4	0.9	-10.9	-279.1
DCVFMVN Diamond ETF	554	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	267	-0.1	-7.7	-13.1	-123.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	18	0.0	0.0	-6.4	-162.9
MAFN VN30 ETF	24	2.5	8.7	8.6	6.4
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	7	0.0	0.0	0.0	3.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	96,396	70,179	52,200
Ấn độ	-367	2,783	-10,326	708
Indonesia	-228	-329	-2,112	1,138
Nhật Bản*	-3,824	-609	14,167	8,166
Maylaysia	-186	-556	-1,667	-861
Hàn Quốc	-1,606	-1,735	-8,341	2,221
Sri Lanka	2	-1	-13	-32
Đài Loan	-461	1,128	-5,787	-19,127
Thái Lan	-62	-276	-1,520	-4,101
Việt Nam	-52	-104	-968	-3,193

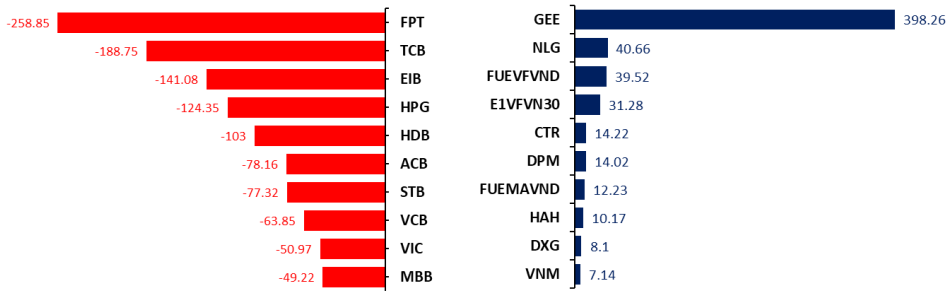
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

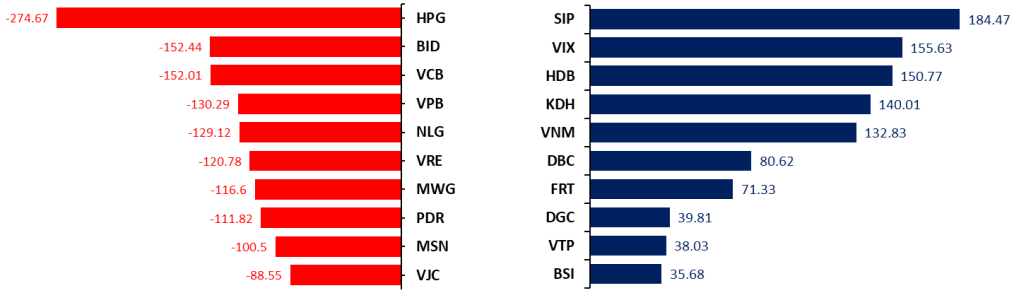
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-57	-268	517	-249
Tài nguyên Cơ bản	-125	-145	353	-207
Truyền thông	0	-5	9	-3
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-5	-27	96	-69
Y tế	0	20	-68	48
Hóa chất	-31	-48	84	-36
Dịch vụ tài chính	70	-71	10	61
Du lịch và Giải trí	-43	-62	87	-25
Ngân hàng	-869	-260	1,306	-1,046
Xây dựng và Vật liệu	24	-62	42	21
Thực phẩm và đồ uống	-51	-31	55	-25
Bán lẻ	-62	-144	149	-5
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-15	-14	11	3
Hàng cá nhân & Gia dụng	-17	11	-10	-1
Công nghệ Thông tin	-258	-135	208	-74
Ô tô và phụ tùng	2	-23	35	-13
Bảo hiểm	-11	-8	6	2
Dầu khí	-9	-90	102	-12
Tổng	-1,458	-1,363	2,994	-1,631

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	RYG	Xây dựng và Vật liệu	14.70 - 18.00	14.7	-13.5%
2	VCA	Tài nguyên Cơ bản	8.13 - 18.80	14.2	-13.4%
3	VAF	Hóa chất	11.55 - 16.55	12.5	-10.7%
4	VSI	Xây dựng và Vật liệu	16.50 - 21.50	17.1	-9.5%
5	PSH	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.85 - 10.70	3.4	-9.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
29.3%	19.0	8.50 - 19.00	Truyền thông	YEG
21.3%	17.1	11.50 - 21.90	Bất động sản	FDC
20.4%	10.6	4.68 - 10.90	Xây dựng và Vật liệu	HVH
14.8%	7.4	5.91 - 8.35	Công nghệ Thông tin	SAM
14.6%	10.6	10.80 - 20.05	Công nghệ Thông tin	ICT

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TTL	Xây dựng và Vật liệu	6.50 - 16.30	13.3	-10.7%
2	L40	Xây dựng và Vật liệu	18.00 - 43.50	33.1	-10.1%
3	SPI	Tài nguyên Cơ bản	1.80 - 6.00	1.8	-10.0%
4	PEN	Xây dựng và Vật liệu	5.70 - 8.60	6.3	-10.0%
5	HLC	Tài nguyên Cơ bản	11.50 - 15.90	12.0	-9.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
47.9%	10.5	5.40 - 10.50	Xây dựng và Vật liệu	VMC
24.4%	5.1	2.80 - 5.10	Truyền thông	DST
22.7%	13.5	5.90 - 15.70	Hóa chất	PGN
16.0%	33.3	22.50 - 36.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	NBW
15.9%	8.0	4.30 - 10.20	Xây dựng và Vật liệu	DC2

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VTL	Thực phẩm và đồ uống	4.50 - 15.50	7.6	-31.5%
2	CAB	Truyền thông	6.70 - 14.30	6.8	-26.9%
3	TRT	Xây dựng và Vật liệu	4.50 - 31.30	13.3	-26.1%
4	VDT	Tài nguyên Cơ bản	12.00 - 25.30	15.9	-25.0%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	6.10 - 10.40	7.5	-25.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
61.0%	38.0	17.00 - 45.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	TSJ
46.7%	8.8	3.30 - 9.00	Tài nguyên Cơ bản	MTA
31.6%	28.3	13.85 - 32.69	Tài nguyên Cơ bản	AVG
30.1%	23.8	14.70 - 24.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	USD
28.6%	1.8	0.90 - 2.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DDM

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	GEE	Thiết bị điện GELEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61,495.1	2,355.4	32.8	3.65 - 5.73	7.3
2	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	1,860.5	468.1	16.8	11.10 - 17.50	13.9
3	SZL	Sonadezi Long Thành	Bất động sản	292.6	182.7	43.9	36.05 - 45.30	5.7
4	APG	Chứng khoán APG	Dịch vụ tài chính	2,191.0	182.3	8.4	8.17 - 16.00	-6.8
5	VIP	Vận tải Xăng dầu VIPCO	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3,751.4	177.9	14.8	10.80 - 17.25	2.8
6	SHI	Chứng khoán DNSE	Dịch vụ tài chính	5,846.7	153.5	14.8	13.25 - 15.80	0.0
7	SAM	SAM Holdings	Công nghệ Thông tin	6,721.6	152.6	7.4	5.91 - 8.35	14.8
8	VFG	Khử trùng Việt Nam	Hóa chất	2,776.7	129.7	81.2	35.60 - 91.80	-2.8
9	CRE	Bất động sản Thế Kỷ	Bất động sản	1,459.4	106.4	7.3	6.45 - 9.49	-0.5
10	VTO	VITACO	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10,682.0	72.2	15.2	9.32 - 16.00	5.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

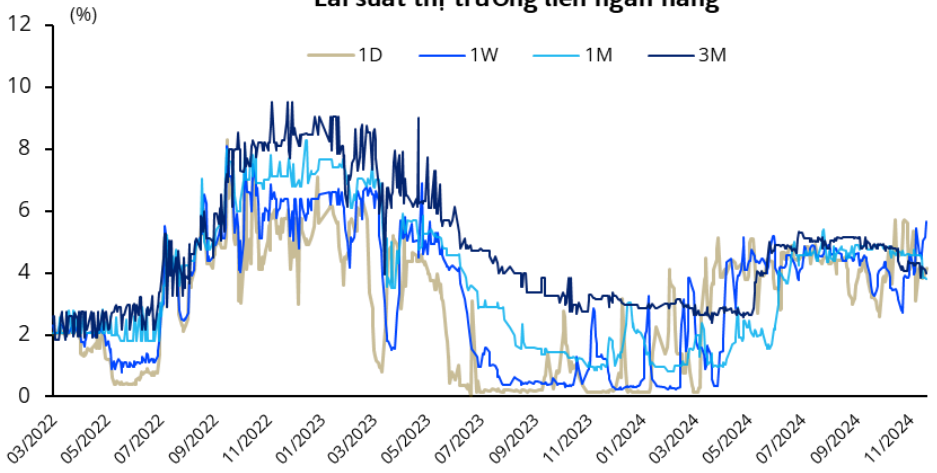
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	108.13	1.0	1.4	7.3	6.7	
VND/USD	25,450	0.2	0.1	3.4	4.9	
KRW/USD	1,449.35	1.0	3.5	8.5	12.5	
JPY/USD	156.85	2.1	0.9	9.0	11.2	
EUR/USD	0.96	1.1	1.5	7.4	6.3	
SGD/USD	1.36	0.7	1.2	5.3	2.9	
CNY/USD	7.30	0.4	0.7	3.6	2.8	

Hàng hóa

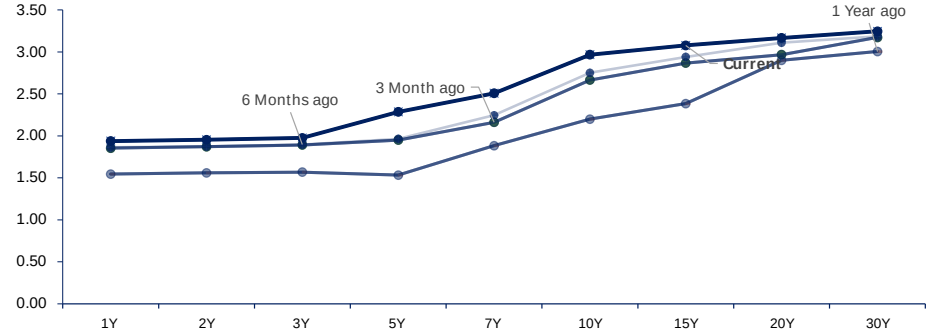
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	68.96	-3.3	0.1	-4.1	-3.8	
Xăng	191.06	-4.6	-6.6	-6.2	-9.1	
Gas	3.63	10.5	13.5	48.9	44.2	
Than	127.10	-4.1	-10.0	-8.9	-13.2	
Vàng	2,605.27	-1.6	-1.7	-0.6	26.3	
Bạc	28.97	-5.2	-6.1	-7.1	21.7	
Platinum	922.72	-0.5	-4.1	-5.8	-7.0	
Quặng sắt	104.08	-1.3	2.1	13.1	-23.7	
Thép cán	3,480.00	-1.8	-1.4	9.5	-14.7	
Lúa mì	536.75	1.9	-2.9	-5.6	-14.5	
Ngô	443.25	3.1	3.0	10.3	-5.9	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.94	1.95	1.98	2.29	2.51	2.97	3.08	2.87	2.94
Thay đổi (WoW)	7.80	7.70	7.70	14.90	13.70	12.30	5.70	8.60	6.50

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Danh sách cổ phiếu theo dõi

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	SZC	42.7	45.7	35-38	7.03%	Giao dịch trên EMA 50 và kiểm định thành công vùng hỗ trợ 38. MACD có xu hướng cắt xuống đường tín hiệu. Nhà đầu tư có thể giải ngân một phần với SZC sau khi cổ phiếu kiểm định thành công vùng hỗ trợ giá 39. Ngoài ra nhóm khu công nghiệp sẽ được hưởng lợi tốt hơn từ sự dịch chuyển của nhiều doanh nghiệp từ Trung Quốc
2	SIP	84.4	88	76.00	4.27%	Đang kiểm định lại vùng hỗ trợ tương ứng EMA 50. Kháng cự mạnh tại vùng 88. Kì vọng SIP sẽ tích lũy thêm để tạo nền giá tốt thì nhịp tăng sẽ bền hơn, nhà đầu tư có thể giải ngân một phần tại nền giá thấp và chờ đợi phiên bùng nổ khối lượng để giải ngân tiếp tục . Ngoài ra nhóm khu công nghiệp sẽ được hưởng lợi tốt hơn từ sự dịch chuyển của nhiều doanh nghiệp từ Trung Quốc
3	POW	12.2	14	11.5	14.75%	POW hiện đang giao dịch dưới EMA 200 sau 2 phiên tăng mạnh nhờ vào thông tin từ ngành điện. Chờ đợi cổ phiếu điều chỉnh và bật tăng trở lại để mua mới.
4	BCM	67.7	73.2	64 - 67	8.12%	BCM tích lũy tốt và cần chờ đợi phiên bùng nổ thanh khoản với giá tăng mạnh vượt thoát khỏi vùng tích lũy hiện tại.
5	HDG	30.2	32.9	30	8.94%	Giá và thanh khoản vượt nền tích lũy chặt, cần chờ đợi điều chỉnh để có thể tham gia. Ngoài ra, nhiều dự án bds của HDG đang được kỳ vọng được gỡ pháp lý, mảng điện được hỗ trợ bởi nhiều chính sách gần đây như luật điện lực sửa đổi, DPPA,…
6	IMP	48.3	57	43	18.01%	Giá và thanh khoản cải thiện liên tục, cổ phiếu bức quá qua nền tích lũy. Động lượng giá tốt. Canh nhịp hồi để giải ngân mua mới

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ với tiền những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ©2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.